

Thân lưu-dạn làm bằng tôn ráp mối hàn có hình hộp rượu bia. Thân lưu-dạn và cần an-toan sơn bằng một chất men màu xanh sẫm khiến cho lưu-dạn có vẻ làm bằng chất plastic; lưu-dạn đã được nhẵn dạng nhờ có một lỗ dẫn thuốc ở đáy lưu-dạn.

This grenade is constructed of galvanized sheet metal with soldered seams and resembles a beer can. The body of this grenade and the fuze handle were dip-painted with a dark green enamel which gives the grenade body the appearance of plastic. The grenade can be readily identified by the round filler plug located in the base of the canister.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Chiều dài 115 ly
Đường kính. 64 ly
Màu sắc Xanh sẫm
Thuốc nổ Chất nổ nổi-hóa
Ngòi nổ Kích-hóa bằng kim châm
hóa (thời gian : 3 - 4 giây).
Chất hóa-học. Lân-tinh trắng (PWP).

CHARACTERISTICS

Length	4.5 inches
Diameter	2.5 inches
Color	Dark green
Explosive filler (Burster)	Homemade explosive
Fuze	Percussion type (3 to 4 second delay)
Chemical filler	Plasticized white phosphorus (PWP)



Lưu-dạn hóa-học CS của Việt-Cộng có thân lưu-dạn hình khối trụ, có một hân dọc theo khối trụ và hai nắp dây hai đầu mỗi đầu. Lưu-dạn có cán cây rap vào ở một đầu. Cán cây này có trang sắp và có in dấu hiệu bằng chữ màu trắng. Có một lỗ nạp thuốc ở đáy lưu-dạn dây bằng nắp kim khí có đệm cao-su và trét paraffin để cho thuốc khỏi bị ẩm-ướt.

Thân lưu-dạn sơn màu xanh dợt có chạy 2 lần chỉ trắng ở 2 đầu và mang dấu hiệu chữ H1 bằng màu trắng trên nền đen.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

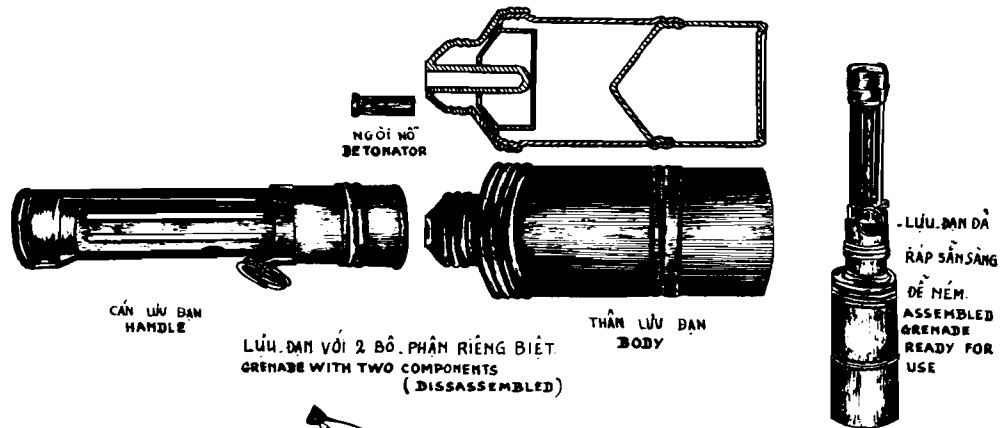
Chiều dài	190 ly
Trọng-lượng	355 Grs
Đường kính nơi to nhất	67 ly
Màu sắc	Màu xanh dợt với 2 lần chỉ trắng ở 2 đầu.
Chất hóa-học	C.S.
Kích-hoà	Ngoi kéo ọ sạt (3 tới 4 giây)
Ngoi nổ	Ngoi nổ thường, có thuốc nổ phụ.

This CS grenade is a cylindrical metal container with a single side seam and crimp-fitted ends. A grooved wooden handle is inserted in the top of the grenade body. The wooden handle is coated with wax and has white lettered markings. There is one agent filler hole in the bottom of the grenade which is covered by a metal plug with a rubber gasket crimped in place by the metal tabs of the can and sealed with paraffin to protect the filler from moisture.

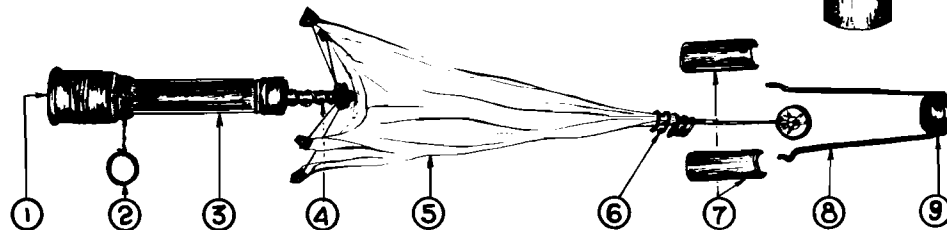
The grenade body is light green in color with a single narrow white band at the top and the bottom. The markings, "H.1," are painted on the body white over black.

CHARACTERISTICS

Length	7.5 inches
Weight	12.5 ounces
Diameter (max)	2.6 inches
Color	Light green with narrow white band at the top and the bottom
Chemical filler	CS
Initiator	Pull-friction type (3 to 4 second delay)
Burster	Nonelectric blasting cap and small booster



LỬU ĐẠN VỚI 2 BỘ PHẬN RIÊNG BIỆT
GRENADE WITH TWO COMPONENTS
(DISSASSEMBLED)



BỘ PHẬN CÁN LỬU ĐẠN THÁO RỜI.
HANDLE COMPONENTS (DISSASSEMBLED)

LƯU DẠN NÉM TAY CHỐNG CHIẾN XA KIỂU RKG-3 NGA SỞ
KIỂU RKG-3T TRUNG CỘNG

Loại lưu đạn này chế tạo theo phương pháp nổ lòn và được dùng để chống chiến xa cùng các loại xe bọc sắt khác, để có một hướng đi ổn định khi ném, lưu đạn có gắn một bộ phận dù ở trong cán lưu đạn. Bộ phận này sẽ bung dù ra khi lưu đạn được ném đi. Lưu đạn có ba phần riêng biệt: thân lưu đạn, ngòi nổ và cán lưu đạn; các phần chỉ được ráp lại trước khi sử dụng.

Cơ hành. Khi sử dụng, tay nắm chặt cán lưu đạn, rút chốt an-toàn rồi ném. Khi lưu đạn rời khỏi tay, lò xo sẽ làm bung nắp chắn dù và dù sẽ bung ra theo khối ống cán lưu đạn. Khi chạm vào tiêu, do lực quán tính đưa kim hỏa tới trước, đánh vào hạt nổ và làm nổ lưu đạn. Được biết Việt Cộng đã sử dụng loại lưu đạn này trên chiến trường Miền Nam Việt-Nam.

ĐẶC TÍNH

Loại	Nổ mạnh
Trọng lượng	1,2 kg
Chiều cao toàn thể	400 ly
Đường kính thân lưu đạn	70 ly
Độ xuyên phá	130 ly

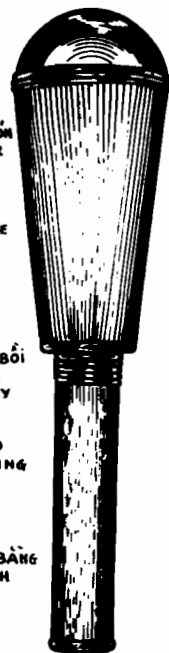
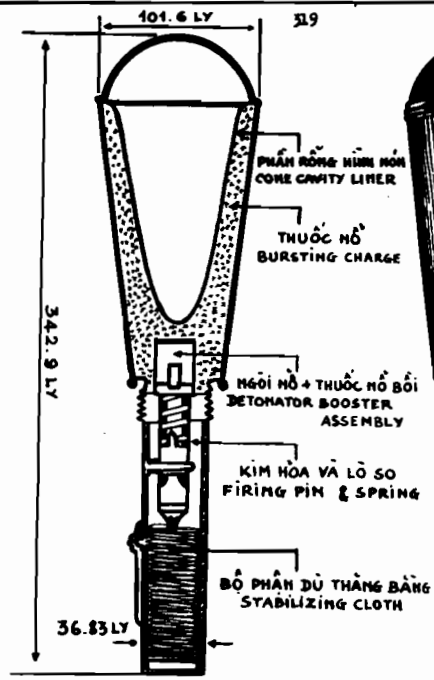
SOVIET ANTITANK HAND GRENADE: MODEL RKG-3,
CHICOM RKG-3T

The RKG antitank grenade is designed to be used against tanks and other armored vehicles and employs the shaped-charge principle. Stabilization of this grenade in flight is accomplished by a drag type parachute which is ejected from the grenade handle when it is thrown. This grenade is packed in three separate parts; body, fuze, and handle, which are assembled immediately prior to use.

With the handle held firmly, the safety pin is withdrawn. When the grenade is thrown, a spring ejects the parachute holding cap and the parachute is ejected from the rear of the handle. Upon impact, the inertia-activated firing pin strikes the detonator and detonates the grenade. This grenade is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Type	HEAT
Weight	1.2 kg (2.6 pounds)
Height overall	400 mm (15 inches)
Body diameter	70 mm (2.8 inches)
Armor penetration	130 mm (5.1 inches)



Lựu đạn ném tay chống chiến xa kiểu RPG-6 Nga-Sô

Lựu đạn ném tay RPG-6 là loại lựu đạn dùng để chống các mục tiêu bọc sắt, như chiến xa và xe thiết giáp. Lựu đạn cũng có thể dùng để chống cá nhân vì hiệu lực đối đầu của các mảnh lựu đạn bắn ra khi nổ. Lựu đạn được giữ thăng bằng khi ném đi bởi bốn mảnh vải dù ở cán lựu đạn tung ra. Vì được gắn loại hóa phos chứa nổ nên lựu đạn sẽ nổ khi chạm mục tiêu. Sự khác biệt giữa lựu đạn RPG-6 và RPG-43 là lựu đạn RPG-6 có đầu hình bán nguyệt, thiếu cựa đỡ bằng sắt để bọc bốn mảnh dù (các mảnh vải này được nhét vào bên trong cán lựu đạn), và cán lựu đạn bằng sắt chứ không bằng gỗ như loại lựu đạn RPG-43.

ĐẶC TÍNH

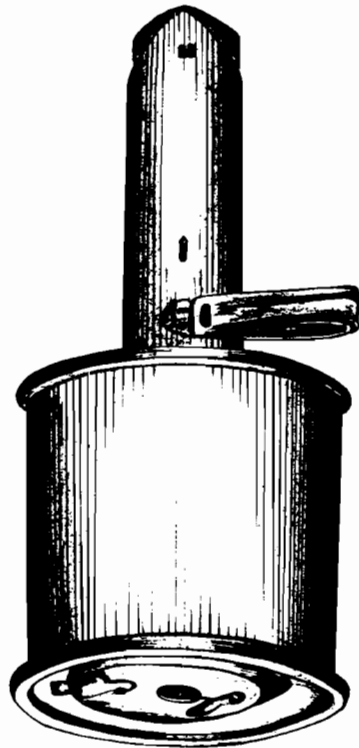
Loại	Nổ mảnh
Trọng lượng	1,1 kg
Chiều dài toàn thể	343 ly
Đường kính thân lựu đạn	102 ly
Độ xuyên phá	100 ly
Bán kính sát hại	20 thước

SOVIET ANTITANK HAND GRENADE: MODEL RPG-6

The RPG-6 antitank grenade is designed primarily for use against armored targets such as tanks and APCs. Because of its favorable fragmentation effect, it can also be used against personnel. The grenade is stabilized by four cloth streamers which trail behind it in flight. This grenade has an impact fuze which causes it to detonate upon impact with a target. The RPG-6 grenade differs from the RPG-43 grenade in its crescent shaped head, the lack of a cone covering the cloth streamers (which are within the handle), and a metal handle instead of the wooden one on the RPG-43.

CHARACTERISTICS

Type	HEAT
Weight	1.1 kg (2.4 pounds)
Overall length	343 mm (13.5 inches)
Body diameter	102 mm (4 inches)
Armor penetration	20 m (22 yards)



LƯU DẠN NÉM TAY CCK KIỂU RPG-40 CỦA NGA SỔ

Lưu đạn RPG-40 của Nga-Sô là loại lưu đạn ném tay áp dụng phương pháp nổ lôm, dùng để chống chiến xa. Lưu đạn được chế tạo bằng sắt là ya chưa đầy thuốc nổ TNT. Khi cất giữ cũng như lúc chuyên-chở, lưu đạn và kíp nổ đều được gói riêng biệt và kíp nổ chỉ được lắp vào lưu đạn trước khi sử dụng thôi. Kíp nổ được nhét vào bên trong ống lưu đạn và cần này sẽ vắn vào thân lưu đạn. Loại kíp nổ dùng cho lưu đạn này là loại chạm nổ tước-khắc.

CHỈ CHÚ. Không nên nhặt những quả lưu đạn thất vĩ ngọa nổ đã kích hoa và chỉ cần một sự va chạm rất nhỏ cũng có thể gây tai nạn được.

ĐẶC TÍNH

Loại	Nổ mạnh
Trọng lượng	1,2 kg
Chiều cao toàn thể	200 ly
Đường kính thân lưu đạn	95 ly
Bán kính nguy hiểm	20 thước

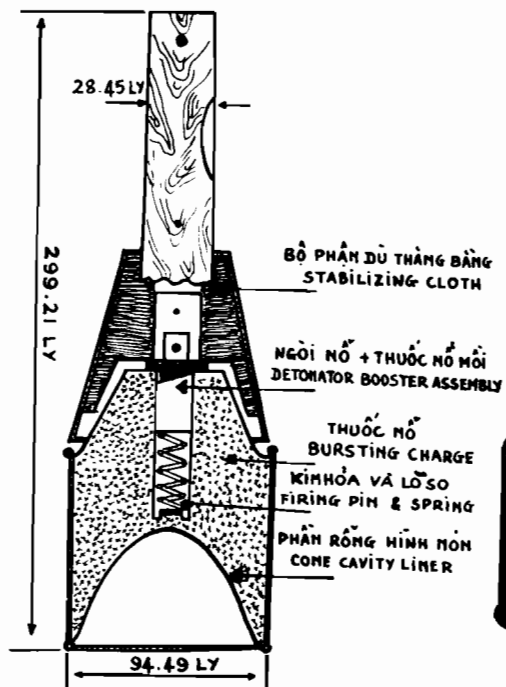
SOVIET ANTITANK HAND GRENADE: MODEL RPG-40

The Soviet RPG-40 is an antitank hand grenade employing the shaped-charge principle to defeat armor. It is constructed of sheet metal and has a TNT filler. The grenade is packed for storage and transportation with the primer-detonator assembled prior to use by placing it inside the grenade handle and screwing the handle to the grenade body. The grenade has an impact type fuze.

WARNING. When the fuze is armed it is extremely sensitive and should not be handled.

CHARACTERISTICS

Type	HEAT
Weight	1.2 kg (2.7 pounds)
Height overall	200 mm (7.9 inches)
Body diameter	95 mm (3.7 inches)
Fragmentation radius	20 m (22 yards)



Lựu đạn ném tay chống chiến xa kiểu RPG-43 Nga Sô

Lựu đạn RPG-43 là loại lựu đạn ném tay nổ lòn dùng để tấn công các loại chiến xa và các loại xe bọc sắt khác. Bộ phận giữ thăng bằng lựu đạn gồm hai mảnh vai kéo theo sau lựu đạn khi lựu đạn được ném đi. Lựu đạn được gắn ngòi nổ loại chạm nổ nên khi lựu đạn chạm vào tiêu sẽ nổ ngay. Đặc điểm dễ nhận dạng loại lựu đạn này là thân lựu đạn hình trụ lớn cán bằng gỗ và ống dụ bằng sắt trong đó có mảnh vật giữ thăng bằng. Việt-Công đã sử dụng loại lựu đạn này trên chiến trường Miền Nam Việt-Nam.

ĐẶC TÍNH

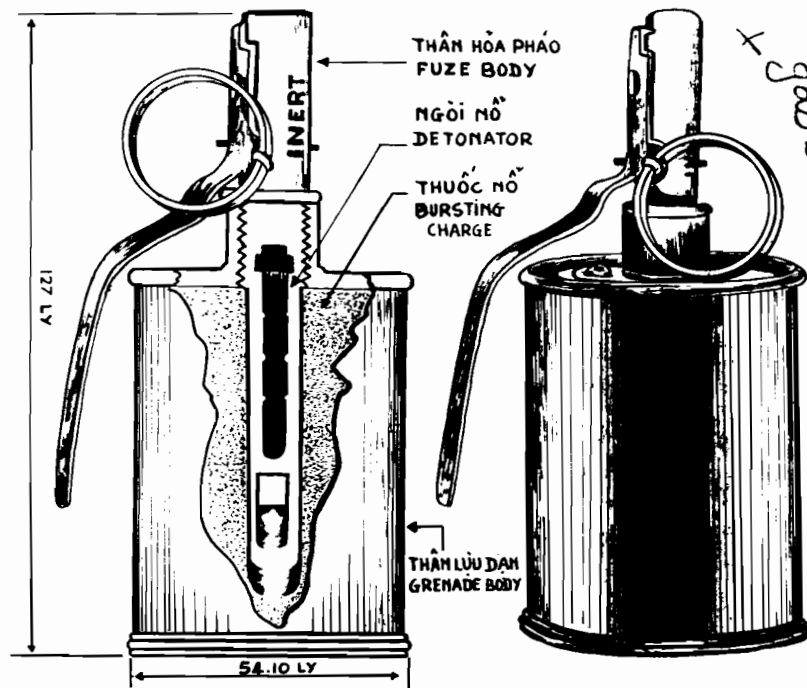
Loại	Nổ mạnh
Trọng lượng	1,2 kg
Chiều cao toàn thể	300 ly
Đường kính thân lựu đạn	96 ly
Độ xuyên phá	76 ly

SOVIET ANTITANK HAND GRENADE: MODEL RPG-43

The RPG-43 antitank grenade is designed to be used against tanks and other armored vehicles and employs the shaped-charge effect to defeat armor. Stabilization of this grenade in flight is effected by two cloth streamers trailed behind the grenade when it has been thrown. This grenade has an impact fuze which caused it to detonate upon impact with the target. The grenade is characterized by its large cylindrical body, wood handle, and the steel cone which contains the cloth streamers. This weapon is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Type	HEAT
Weight	1.2 kg (2.5 pounds)
Height overall	300 mm (11.8 inches)
Body diameter	96 mm (3.8 inches)
Armor penetration	76 mm (3 inches)



LỬU DẠN NÉM TAY THỂ CÔNG LOẠI RG-42 CỦA NGÀ SỔ

Lựu đạn gồm một ống hình trụ bằng sắt, chứa khoảng 99 gr thuốc nổ TNT. Lựu đạn này ứng một cách sử dụng như loại lựu đạn thể công của Hoa Kỳ. Khi ném lựu đạn, một tay nắm chặt cần an-toàn ép sát vào thân lựu đạn, tay kia kéo chốt an - toàn. Khi lựu đạn rời khỏi tay, cần an-toàn sẽ bật tung ra khỏi lựu đạn, kim hỏa được thả lỏng đánh vào hộp nổ, đốt cháy ngòi cháy chậm và làm lựu đạn nổ. Ngòi cháy chậm lâu khoảng từ 3 tới 4 giây.

ĐẶC TÍNH

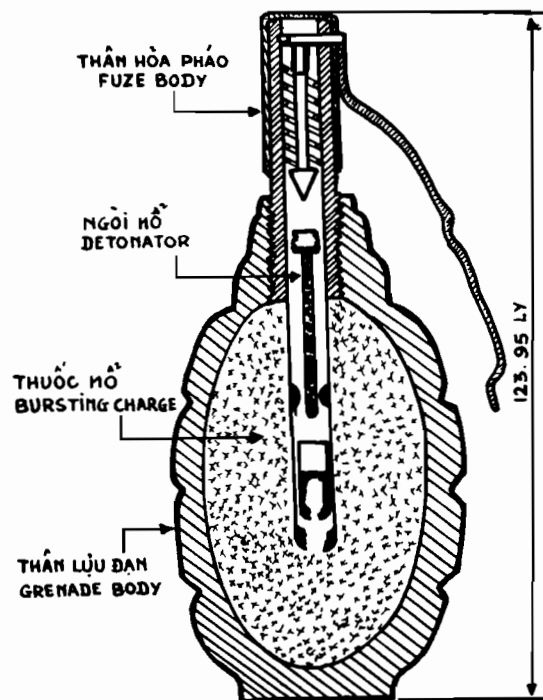
Loại	Tấn công
Trọng lượng	400 gr
Chiều cao toàn thể	127 ly
Đường kính thân lựu đạn	56 ly
Bán kính nguy-hiểm	15 - 20 thước

SOVIET OFFENSIVE HAND GRENADE: MODEL RG-42

The Soviet RG-42 offensive hand grenade has a thin sheet metal body containing 99 grams of TNT. This grenade is used in the same manner as US offensive grenades. The fuze handle is held pressed against the grenade with one hand, and the safety pin is pulled with the other. When the grenade is thrown, the fuze handle flies off allowing the spring-loaded striker to initiate the delay element. The fuze has a three to four second delay.

CHARACTERISTICS

Type	Offensive
Weight	400 g (0.88 pounds)
Height overall	127 mm (5 inches)
Body diameter	56 mm (2.2 inches)
Effective radius	15 to 20 m (16 to 22 yards)



LƯU-DẠN NÉM TAY THỂ THỦ LOẠI F-1 CỦA NGÀ SỔ
KIỂU 1/M33 CỦA TRUNG CỘNG

Lưu đạn ném tay F-1 của Nga-Sổ giống lưu đạn MK-2 của Hoa-Kỳ về hình dạng, cách vận chuyển cũng như về cách sử dụng. Vỏ lưu đạn làm bằng gang đúc có khía và được sơn màu xanh quân đội. Khi sử dụng, một tay nắm chặt cần an-toàn ép sát vào thân lưu đạn, tay kia rút chốt an-toàn rồi ném. Khi lưu đạn rời khỏi tay, cần an-toàn bật tung ra, kim hỏa được thả lỏng đánh vào hộp nổ, đốt cháy ngòi cháy chậm và làm nổ lưu đạn. Tại Miền Nam Việt-Nam, Việt-Cộng đã sử dụng loại lưu đạn này.

ĐẶC TÍNH

Loại	Thể thủ
Trọng lượng	0,69 kg
Chiều cao toàn thể	124 ly
Đường kính	55 ly
Bán kính nguy hiểm	14 thước

SOVIET DEFENSIVE HAND GRENADE: MODEL F-1,
CHICOM TYPE 1/M33

The Soviet F-1 hand grenade is similar to the US MK-2 grenade in appearance, functioning, and employment. Its case is serrated cast iron, and it is painted OD. This grenade is handled like the US MK-2. The handle is held pressed to the grenade body with one hand while the safety pin is withdrawn with the other hand. When the grenade is thrown, the fuze handle is disengaged from the grenade, and the spring-loaded firing pin initiates the delay element which causes the grenade to detonate. This grenade is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Type	Defensive
Weight	0.69 kg (1.52 pounds)
Height overall	124 mm (4.9 inches)
Diameter	55 mm (2.2 inches)
Fragmentation radius	14 mm (16 yards)



LƯU ĐẠN KẼM TAY THỦ KIỂU RGD-5 CỦA NGA SỞ
KIỂU M32 CỦA TRUNG QUỐC

Lưu đạn RGD-5 mới được trang bị thêm cho quân đội Nga-Sô. Thân lưu đạn được làm bởi hai bán cầu bằng sắt ghép lại, bên trong có thêm một lớp vỏ mà khi lưu đạn nổ sẽ vỡ ra nhiều mảnh sắt-hai. Trung Quốc đã mượn kiểu chế tạo này theo loại lưu đạn này lấy tên là M32. Có một điểm khác biệt chính yếu giữa hai loại lưu đạn này là vỏ bên trong lưu đạn của Nga-Sô có khía còn vỏ bên trong lưu đạn M32 nhẵn. Ngòi nổ dùng trong lưu đạn RGD-5 lâu chung 3 tới 4 giây mới phát nổ. Tại Miền Nam Việt Nam, Việt Cộng đã sử dụng loại lưu đạn này.

ĐẶC TÍNH

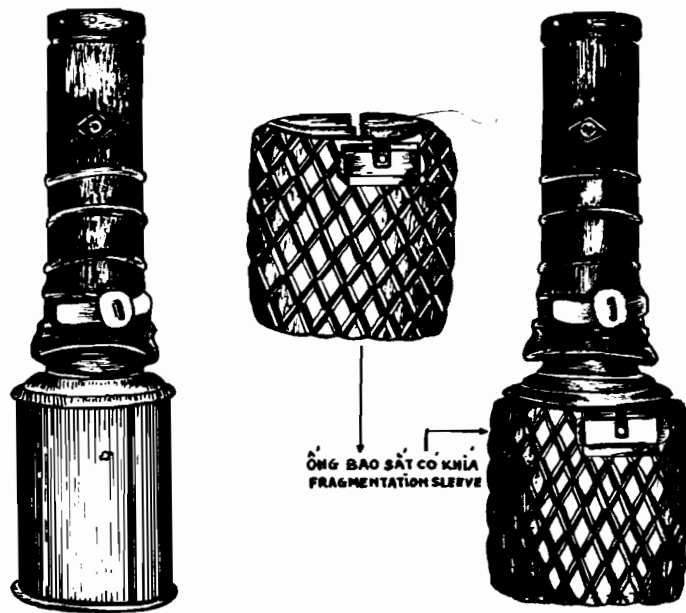
Loại	Thủ thủ
Trọng lượng	0,31 kg
Chiều dài toàn thể	114 ly
Đường kính thân lưu đạn	56 ly
Bán kính sát hại	25 thước

SOVIET DEFENSIVE HAND GRENADE: MODEL RGD-5
CHICOM M32

The Soviet RGD-5 is a recent addition to the Soviet Army. This grenade is constructed with a two-piece stamped-metal body with an inner liner to provide fragmentation. The Communist Chinese have copied this grenade design with the primary difference being that the Soviet version has a serrated inner liner while the ChiCom version is smooth. The fuze used with the RGD-5 has a three to four second delay. The RGD-5 is used by the Viet Cong.

CHARACTERISTICS

Type	Defensive
Weight	0.31 kg (0.68 pounds)
Height overall	114 mm (4.5 inches)
Body diameter	56 mm (2.2 inches)
Fragmentation radius	25 mm (27 yards)



LƯU DẠN NÉM TAY CÔNG/THỦ KIỂU RGD-33 CỦA NGA SỔ

Lưu đạn RGD-33 của Nga-Sô có thể sử dụng được hai cách; nếu không lắp thêm ống bao bằng sắt có khía theo như hình vẽ bên, lưu đạn có tác dụng thủ công, bắn ra rất nhiều mảnh nhỏ. Nếu lắp thêm ống bao bằng sắt vào, lưu đạn RGD-33 trở thành lưu đạn thủ. Khi lưu đạn được ném đi, ngòi cháy chậm sẽ bắt đầu tạo động và thời gian chạy chậm của loại ngòi nổ này lâu từ 3 tới 4 giây.

ĐẶC TÍNH

Lưu-dạn công phá (không gắn ống bao)

Loại	Công phá
Trọng lượng	0,5 kg
Chiều dài toàn thể	190 ly
Đường kính thân lưu đạn	45 ly
Bán kính sát hai	5 thước

Lưu-dạn thủ (có gắn ống bao)

Loại	Thủ
Trọng lượng	0,66 kg
Chiều dài toàn thể	190 ly
Đường kính thân lưu đạn	52 ly
Bán kính sát hai	25 thước

SOVIET OFFENSIVE/DEFENSIVE HAND GRENADE: MODEL RGD-33

The Soviet RGD-33 is a dual purpose grenade. Without the fragmentation sleeve shown on the opposite page, it is a very effective offensive grenade having very little fragmentation. When the serrated sleeve is added, however, the RGD-33 becomes an equally effective defensive grenade. When the grenade is thrown, set-back initiates the delay fuze action. The delay on this fuze is three to four seconds.

CHARACTERISTICS

Without Fragmentation Sleeve:

Type	Offensive
Weight	0.5 kg (1.1 pounds)
Overall length	190 mm (7.5 inches)
Body diameter	45 mm (1.7 inches)
Fragmentation radius	5 m (5.5 yards)

With Fragmentation Sleeve:

Type	Defensive
Weight	0.66 kg (1.5 pounds)
Overall length	190 mm (7.5 inches)
Body diameter	52 mm (2.04 inches)
Fragmentation radius	25 m (27 yards)

TRÁI LỬA CÒN NGUYÊN CHỮA BÓC BAO SÁP
SODIUM-GRENADE WITH WAX
COVER



MỘT PHẦN BAO SÁP BÓC KHỎI
TRÁI LỬA
PART OF WAX-COVER REMOVED
FROM SODIUM-GRENADE



TRÁI LỬA BẮC MỘT PHẦN BAO SÁP
SODIUM-GRENADE WITH PART OF WAX
COVER REMOVED



MẢNH GIẤY BÍT TRÊN LỖ TRÁI LỬA
PIECE OF PAPER COVERING
THE OPENING OF SODIUM-GR.



Trái lửa Sodium cấu tạo thành hình khối cầu, đường kính 38 ly, hạn lại bởi 2 mảnh giấy bìa mền. Bên ngoài trái lửa được bao bằng một lớp sáp.

Thân trái lửa được khoét 2 lỗ: Một lỗ lớn đường kính 10 ly và một lỗ nhỏ đường kính 3 ly. Cả 2 lỗ này được bít lại bởi một miếng giấy bìa mền. Sau hết, trong thân trái lửa chứa 1/3 thể tích Sodium dư lại. Chất Sodium sẽ phản ứng phát cháy và bốc khói khi gặp nước sâu chừng 25 ly; nếu ở chỗ nước ít hoặc cạn trái lửa sẽ không phát lửa nhưng có lẫn hơi bốc và sẽ phát nổ.

Cách sử dụng: Trước khi sử dụng trái lửa, bóc bỏ hết lớp sáp ngoài và hai mảnh giấy bít trên lỗ đó; liêng trái cầu vào nước sâu chừng 25 ly 4 thì trái lửa sẽ bốc khói trong vòng 4 hay 5 giây và bốc cháy trong vòng 3 giây, phát lửa hướng về một chiều xạ chừng 1 thước, đồng thời tỏa ra một lộn khói trắng. Mặc dù bốc cháy, vỏ trái lửa vẫn còn nguyên vẹn và bốc ra một mùi đặc-biệt như mùi dầu hỏa (kerosene) sơ vào thấy trơn trơn như có 1 lớp xà-phòng.

Công dụng: Trái lửa dùng gây hỏa-hoạn cho các kho tàng hoặc những vật-liệu dễ cháy; rất hiệu lực trong công-tác phá-hoại.

ĐẶC - TÍNH :

Trọng lượng toàn thể	45 Gr
Trọng lượng sáp và giấy	5 Gr
Trọng lượng khối cầu kim khí và Sodium	40 Gr
Đường kính	38 ly
Vỏ kim khí dày	1 ly 25

VC HOMEMADE SODIUM INCENDIARY GRENADE

This 38 mm (1.5 inches approx) diameter, spherical-shaped grenade is made of two hemi-spherical-shaped pieces of metal welded together. It is covered by a coat of wax.

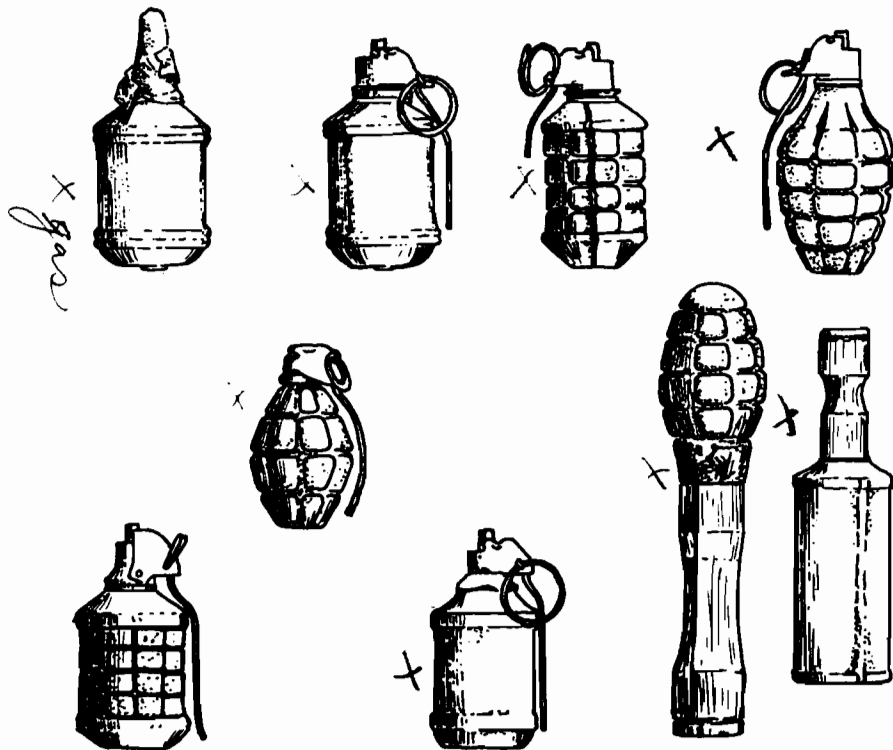
There are two outlets on the grenade body, 10 mm in diameter and 3 mm in diameter. Both of these outlets are sealed with a piece of light paper. One third of the grenade case is filled with sodium. This substance will burn and smoke upon contact with water.

Operation: Prior to using this incendiary grenade, remove the coat of wax completely and the two pieces of paper blocking the outlets and throw the spherical cases into water. The grenade will send out flames and smoke for four or five seconds in one direction for about one meter. Despite the burning, the incendiary grenade case remains intact and emits a particular smell similar to that of kerosene. If touched, it feels as if it were covered with a coat of soap.

Effect: This grenade is used to set fire to depots or flammable material. It is very effective for sabotage activities.

CHARACTERISTICS

Overall weight	45 g (1.5 ounces approx)
Weight of wax and paper	5 g (10 ounces approx)
Weight of the spherical cases and sodium	40 g (1.25 ounces approx)
Diameter	38 mm (1.5 inches approx)
Thickness of metal case	1.25 mm (0.32 inches approx)



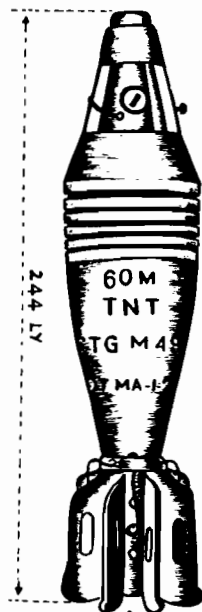
CÁC LOẠI LƯU ĐẠN NÉM TAY CỦA VIỆT-CỘNG

Các hình lưu đạn vẽ trang bên chỉ là những mẫu điển-hình của rất nhiều loại lưu đạn đã được Việt-Cộng chế-tạo tại Miền Nam Việt-Nam. Số dĩ trong sách này không mô-tả tỉ-mỉ từng loại là vì khi chế tạo các loại lưu đạn này, Việt-Cộng đã không theo một tiêu chuẩn nhất định nào cả. Các loại lưu đạn này thường được sản-xuất lén lút trong các cơ-xưởng nhỏ bé, thiếu điều-kiện và tiêu chuẩn kỹ-thuật. Vì vậy phải hết sức cẩn-thận khi sử-dụng các loại lưu đạn tích thu được của Việt-Cộng. Mặc dầu hiện nay Việt-Cộng đã sử-dụng những vũ khí và đạn được tị tẩn nhưng chúng vẫn không ngừng sản xuất các lưu đạn loại này. Loại lưu - đạn này thường được Việt-Cộng sử-dụng rất nhiều.

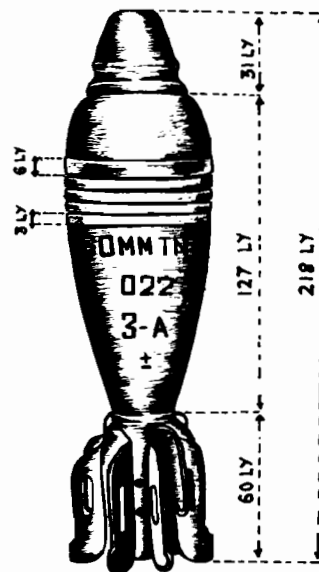
VIET CONG HAND GRENADE, MISCELLANEOUS TYPES

The hand grenades shown on the opposite page are examples of the numerous types manufactured by the Viet Cong in South Vietnam. These grenades are not described individually in this handbook because of their lack of standardization. They are manufactured in relatively small munitions plants and vary considerable in their technical characteristics, reliability, and performance. Because of their lack of standardization, extreme care should be used in handling these grenades.

The recent modernization of the arms and munitions used by the Viet Cong has not significantly reduced their use of locally-produced grenades. These grenades continue to find wide employment by the Viet Cong.



ĐẠN BKP 60 LY NỔ MẠNH HOA KỲ
US 60 MM H.E MORTAR SHELL



ĐẠN BKP 60 LY NỔ MẠNH TRUNG CỘNG
CHICOM 60 MM HE MORTAR SHELL

**DẠM B.K.P.60 LY NỔ MẠNH CỦA TRUNG-CỘNG VỚI HOÀ-
PHẠO MP.82 BẰNG NHỰA (HỌ SẴN DẠM HAY VỚI DẠM
B.K.P.60 LY NỔ MẠNH CỦA HOA-KY)**

Dạm Bính-kính-Pháo 60 ly nổ mạnh của Trung-Cộng là loại đạn được bằng gang pha sắt, gồm với hóa-pháo M.P.82 bằng nhựa, thuốc nổ là loại TNT màu vàng.

Dạm này Việt Cộng đã mạo hoá theo nhảm hiệu của loại đạn Hoa-Ky, tuy nhiên, có những đặc - điểm sau đây sẽ thể nhận dạng.

Bộ cánh ổn-dịnh : Gồm có 8 cánh y như bộ cánh ổn-dịnh của đạn Hoa-Ky, nhưng của Trung - Cộng phần cuối cánh thì thẳng góc khác với cánh đạn của Hoa-Ky phần cuối cánh là góc tròn.

Vành đai kiểm hơi : Gồm có 5 đai, một lớn và bốn nhỏ đồng đều nhau. (Đai lớn ở trên đầu và 4 đai nhỏ ở dưới) của vành đai đạn của Hoa - Ky có 5 đai trên dưới cùng ở nhau.

CHICOM 60MM MORTAR HIGH EXPLOSIVE SHELL WITH MP 82 PLASTIC FUZE (SIMILAR TO THE US 60MM MORTAR EXPLOSIVE SHELL)

The ChiCom 60mm mortar high explosive shell, made of iron and cast iron alloy, is provided with a MP 82 plastic fuze. It is charged with yellow TNT.

This type of ammunition manufactured by the VC bears the false mark of US ammunition; however, it can be identified by the following features:

The stabilizing fin. It is composed of eight fins like that of the US shell; however, its fin end is angular instead of round, as that of the US shell.

Gas check rings. It is composed of five gas check rings, one large ring in the upper part, and four small rings in the lower part while the US shell has five gas check rings of the same size.



DẠM BÍCH-KÍCH-PHÁO 82 LY CỦA TRUNG-CỘNG.

Dạm này được Trung-Cộng chế tạo ráp theo
dạm Bích-Kích-Páo 82 ly VỎ-832 D của Nga-Sô.
Quả dạm được ráp loại hoa-pháo chạm nổ; thân
dạm đúc bằng gang có 10 cánh ổn-dịnh. Dạm tổng
bằng giấy giống kiểu dạm súng săn. Thuốc b ỏ
được đựng trong túi nhỏ bằng vải.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Cỡ 82 ly
Trong lượng 3 Kg 680
Chiều dài toàn thể . 325 ly
Kim loại đúc bằng gang
Thuốc nổ chính . . . TNT
Cánh ổn-dịnh Bằng 10 cánh ổn-dịnh.

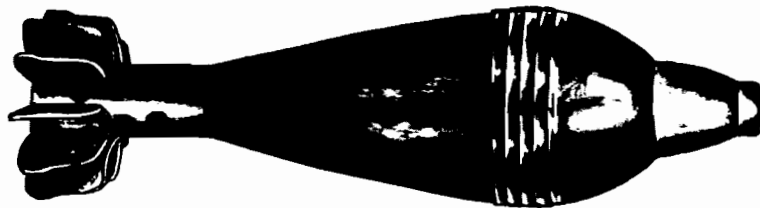
CHICOM 82MM MORTAR AMMUNITION

The Chinese Communist 82mm mortar cartridge
is a copy of the Soviet 82mm VỎ-832 D cartridge.
The teardrop-shaped mortar cartridge has a point-
detonating fuze, cast iron body, fin assembly,
and propellant increments.

The heavy paper ignition cartridge is a shot-
gun shell-type cartridge. The propellant incre-
ments are of the split-ring donut-type and are
encased in a cotton cloth bag.

CHARACTERISTICS

Caliber	82mm
Weight	8.6 pounds
Length overall	12.8 inches
Body material	Cast iron
Explosive filler	TNT
Number of fins	10



ĐẠN HÍCH-KÍCH-PHÁO 82 LY CỦA NGA-SO.

Đạn Hích-Kích-Pháo 82 ly kiểu VO-832D văng miêng của Nga-Sô được ráp hoa pháo chạm nổ M-5. Thân đạn bằng gang, ổn-dinh bằng 10 cánh ổn-dinh. Đạn tổng có hình dạng một viên đạn súng sắn. Thuốc đẩy hình khoanh tròn đựng trong 1 cái túi bằng vải.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Cỡ 82 ly
 Trọng lượng 3 Kg 100
 Chiều dài toàn thể 313 ly
 Thân đạn Bằng gang
 Thuốc nổ chính TNT
 Số cánh ổn-dinh 10 cánh.

SOVIET 82MM MORTAR AMMUNITION

The Soviet 82mm model VO-832 D fragmentation mortar cartridge has an M-5 point-detonating fuze, cast iron projectile, fin assembly, propellant increment charges, and a shotgun-shell type ignition cartridge. The split ring propellant increments are encased in a cotton cloth bag.

CHARACTERISTICS

Caliber	82mm
Weight	6.9 pounds
Length overall	12.3 inches
Body material	Cast iron
Explosive filler	TNT
Number of fins	10



DẠN BÍCH-KÍCH-PHÁO 120 LY CỦA TRUNG-CỘNG.

Dạn Bích-Kích-Pháo 120 ly của Trung-Cộng được chế-tạo ráp theo kiểu dạn Bích-Kích-Pháo 120 ly OF 843A của Nga-Sô luôn cả thuốc bỏi và dạn tổng.

Là một loại dạn nổ mạnh vặng miệng, thân dạn có 6 vành đai kiểm hơi; có 12 cánh ổn-dịnh và 18 lỗ thoát hơi trên trục cốt cánh ổn-dịnh xếp thành 6 hàng, mỗi hàng 3 lỗ.

Có khi dạn này được ráp loại hỏa-pháo kiểu 7 của Trung-Cộng (chế-tạo theo kiểu hỏa-pháo GVZ-7 của Nga-Sô) có khi lại được ráp loại hỏa-pháo kiểu 12 cùng của Trung-Cộng (chế-tạo theo kiểu hỏa-pháo M-12 của Nga-Sô.)

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Cỡ	120 ly
Trong-lượng toàn thể	12,630 Kgs
Chiều dài toàn thể	597 ly
Kim loại	Mục bằng gang
Thuốc nổ chính	TNT
Vũ-khí sử-dụng	Bích-kích-pháo kiểu M.1938, M.1943 của Nga-Sô và Bích- Kích Pháo kiểu 55 của Trung Cộng.

CHICOM 120MM MORTAR AMMUNITION

The Communist Chinese 120mm mortar projectile is a direct copy of the Soviet 120mm OF-843 A projectile. The donut-type propellant increment and the shotgun-type ignition cartridge are also direct copies of the comparable Soviet components.

The 120mm mortar shell HE fragmentation is of teardrop design. There are six gas-check bands separated by five annular grooves to constitute the bour-relet. The fin assembly has 12 fins and 18 gas-escape ports arranged in six rows of three.

This projectile has been recovered with the ChiCom type 7 fuze, which is a copy of the Soviet GVZM-7, and the ChiCom type 12 fuze, which is a copy of the Soviet M-12 fuze.

CHARACTERISTICS

Caliber	120mm
Length, complete round	23.5 inches
Weight, complete round	28 pounds
Body material	Cast iron
Explosive filler	TNT
Using weapon	Soviet M.1938, M.1943, ChiCom type 55 mortars



ĐẠN ĐẠI-BÁC 75 LY KHÔNG GIẬT NỔ MẠNH CCX CÓ ĐUÔI CÁNH ỔN ĐỊNH CỦA TRUNG-CỘNG.

Là 1 đạn nổ lớn có hỏa-pháo chạm đầu nổ hậu,
đỉnh bằng 8 cánh ổn định.

Đạn dùng để bắn với đại-bác 75 ly, không-giật
kiểu 56 của Trung-Cộng có trang-bị bộ máy ngắm để
có thể bắn thẳng và bắn vòng cầu được.

Việt-Cộng nhờ sử-dụng loại đạn này mà bọn
chúng có một hỏa-lực CCX rất hữu-hiệu. Tầm h ữu
dùng của vũ-khí ước-lượng từ 500 đến 700 thước.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Cỡ	75 ly loại nổ mạnh/CCX
Chiều dài toàn thể . . .	693 ly
Màu sắc	Màu xanh ô-liu (OD)
Số tốc độ	292 thước/giây
Độ xuyên phá	210 ly bắn thẳng
Thuốc nổ chính	TNT.
Tầm hữu hiệu	500 - 700 thước (Phong- tính).

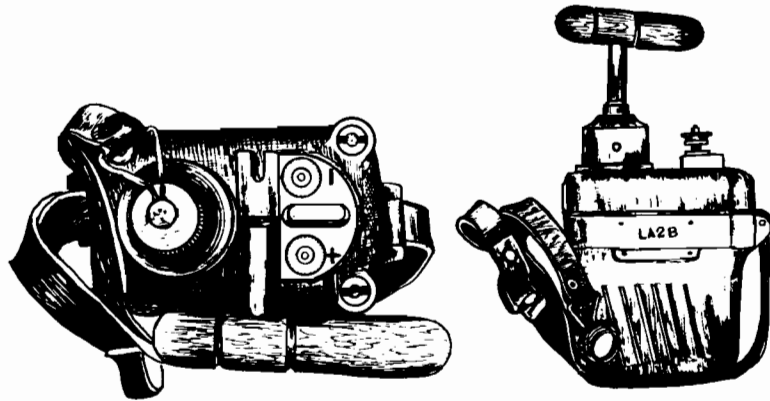
CHICOM 75MM FIN STABILIZED HEAT CARTRIDGE

The 75mm HEAT projectile is a shaped-charge pro-
jectile utilizing a point-initiating, base-detonating
fuze. It is stabilized in flight by an eight finned
stabilized assembly.

This HEAT projectile can be fired from the Chi-
Com 75mm type 56 recoilless rifle. The weapon is
provided with a sight unit which permits direct and
indirect fire. Presence of the 75mm HEAT projectile
indicates improved antiarmor capability available to
the VC/NVA forces because effective ranges of
approximately 500 to 700 meters can be expected.

CHARACTERISTICS

Caliber	75mm
Type	HEAT
Length, complete round	27.28 inches
Color	OD
Velocity	975 feet/second
Armor penetration	8.22 inches against stan- dard rolled steel plate at 0°
Explosive filler	TNT
Maximum effective range	500 to 700 m (estimated)



MÁY PHÁT ĐIỆN GIẬT Mìn LA 2 B CỦA TRUNG-CỘNG

Máy phát điện giật mìn LA 2 B của Trung-Cộng dùng để giật nổ tất cả loại ngòi nổ điện.

Máy có khả-năng giật nổ một lúc 10 ngòi nổ.

ĐẶC - TÍNH

Vỏ	Bằng kim khí
Bề cao	170 ly
Bề ngang	140 ly
Trọng lượng	2 kg 650

CHICOM LA 2 B BLASTING MACHINE

The ChiCom LA 2 B blasting machine is used to detonate all types of electrical blasting caps. It can detonate 10 blasting caps simultaneously.

CHARACTERISTICS

Case	Metal
Height	170 mm (7 inches approx)
Width	140 mm (5.5 inches approx)
Weight	2.65 kg (5.5 pounds approx)



MÁY PHÁT ĐIỆN GIẬT Mìn KIỂU 61 CỦA TRUNG-CỘNG.

Máy này có thể kích-hoạt một lượt 25 ngòi nổ tiến nối liền với nhau. Máy cơ-hành giống như máy phát điện 10 ngòi nổ của Hoa-Kỳ bằng cách cầm máy bằng tay trái và tay phải cầm cần tay quay và quay độ $1/3$ vòng tròn theo chiều kim đồng hồ.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Chiều cao	181 ly
Chiều dày	86 ly
Chiều ngang	159 ly
Trọng lượng cơ tay quay	3 Kg 8
Kim khí	Vỏ máy bằng nhôm đúc hoặc hộp kim nhôm.
Màu sắc	Màu xanh ô-liu hoặc xám.

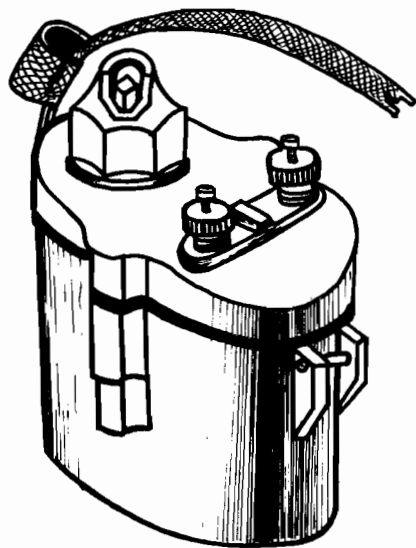
CHICOM, TYPE 61 BLASTING MACHINE

The blasting machine is a hand-held, electric impulse-type generator, which is capable of firing up to 25 electric blasting caps wired in series. The blasting machine is operated in the same manner as the US ten cap blasting machine: by holding the machine in the left hand and turning the handle clockwise (approximately $1/3$ turn) with the right hand.

CHARACTERISTICS

Height	7.125 inches
Width	3.375 inches
Length	6.25 inches
Weight with handle	8.50 pounds
Case material	Cast aluminum or aluminum alloy
Color of case	Gray or olive drab





MÁY PHÁT ĐIỆN GIẬT Mìn FM-2 CỦA NGA-SO

Máy phát điện giật mìn FM-2 của Nga-sô dùng để châm nổ tất cả các loại ngòi nổ điện. Máy có khả năng châm nổ một lúc 10 ngòi nổ.

ĐẶC - TÍNH.

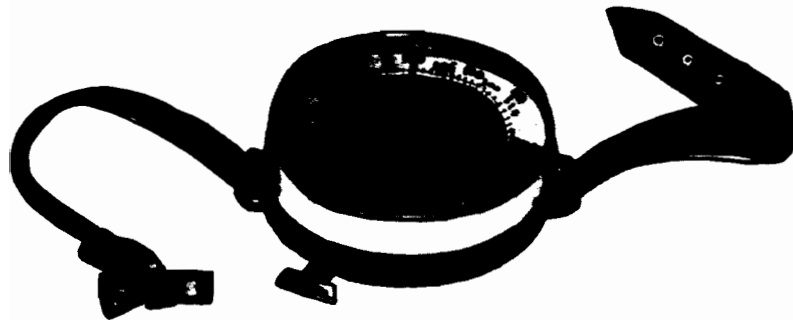
Vỏ	Bằng kim khí
Bề cao	121 ly
Bề ngang	93 ly
Trọng lượng	2,042 kg

RUSSIAN ELECTRIC BLASTING MACHINE, FM-2

The Russian FM-2 electric blasting machine is designed to fire all types of electric blasting caps. It is capable of igniting 10 caps at a time.

CHARACTERISTICS

Case	Metal
Height	121 mm (4.75 inches)
Length	93 mm (3.675 inches)
Weight	2.042 kg (4.5 pounds)



ĐIÀ-BÀN ĐEO TAY KCA-2 CỦA NGÀ-SO.

Đĩa bàn này là loại tiêu chuẩn quân-sự hiện tại nước xũ-dùng do Quân-Lực Ngà-Sô. Đây là 1 loại đĩa-bàn nam-châm chỉ hướng Bắc, gồm có bộ phận nam-châm trục chốt trong một vỏ tròn đúc khuôn bằng nhựa cứng. Mặt đĩa-bàn được khắc từng 3 độ, đĩa-bàn có một kim nam-châm qui-ước quay trên một trụ chốt bằng thép.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

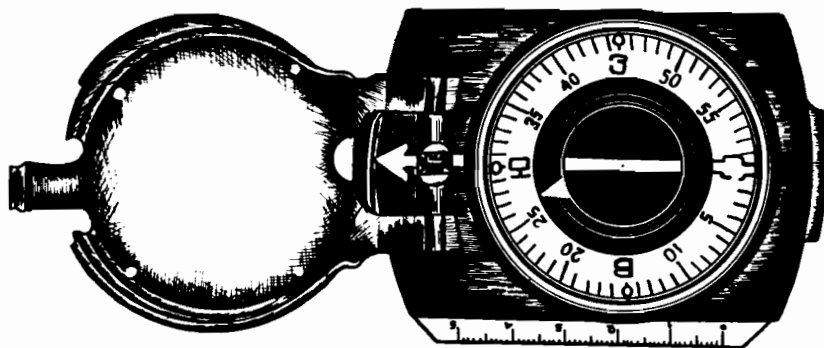
Trọng lượng	57 Grs
Đường kính	50 ly
Mặt đĩa-bàn	Có ghi số chỉ mỗi 15 độ (theo chiều kim đồng hồ) và mỗi 500 ly giác (ngược chiều kim đồng hồ). Ngoài ra còn có khắc ghi mỗi 3 độ và mỗi 50 ly giác.

SOVIET WRIST COMPASS, KCA-2

This is a standard military compass currently used by the Soviet Army. It is a magnetic, north-seeking compass, which consists of a pivot-mounted magnet assembly within a molded cylindrical bakelite case. It is marked with three degree graduations, and it uses the conventional needle mounted on a steel post.

CHARACTERISTICS

Weight	2 ounces
Diameter	2 inches
Degree numbers	Every 15 degrees (in a clockwise direction)
Mil markings	Every 50 mils
Mil numbers	Every 500 mils (in a counter-clockwise direction)



ĐIÁ BÀN CỦA NGA-SO/TRUNG-CỘNG

23

RUSSIAN, CHICOM COMPASS

Đĩa bàn được chế tạo bằng nhựa, nặng 76 G 05 gồm có 3 phần chính :

1.- Khung đĩa bàn : Làm bằng nhựa màu hung đen. Mép trái của khung đĩa bàn có khắc số từ 0 đến 5, phần góc. Phía trước có khe ngắm hình chữ V và mũi tên để ngắm hướng.

2.- Mặt đĩa bàn : Hình tròn, được chia thành 6000 ly giác (60 khoảng 100 ly giác). Đây là đặc điểm để phân biệt đĩa bàn của Nga-SO/Trung-Cộng với đĩa bàn Hoa-Kỳ (đĩa bàn Hoa-Kỳ được chia 6.400 ly giác). Bên dưới cái chỉ hướng là màu tự SO-Việt.

3.- Lớp đĩa bàn : Làm bằng nhôm sơn đen, bên trong này có gắn một miếng kim khí tròn si láng như gương nhờ vậy các số và dấu hiệu ghi trên mặt đĩa bàn đều phản chiếu vào đó để dễ đọc.

ĐẶC TÍNH :

Màu sơn	Màu hung đen
Trọng lượng	76.05 (3 OZ)
Độ chia trên mặt	6.000 ly giác.

This compass is manufactured of plastic, weighs 76.05 grams (3 ounces), and is composed of three main parts.

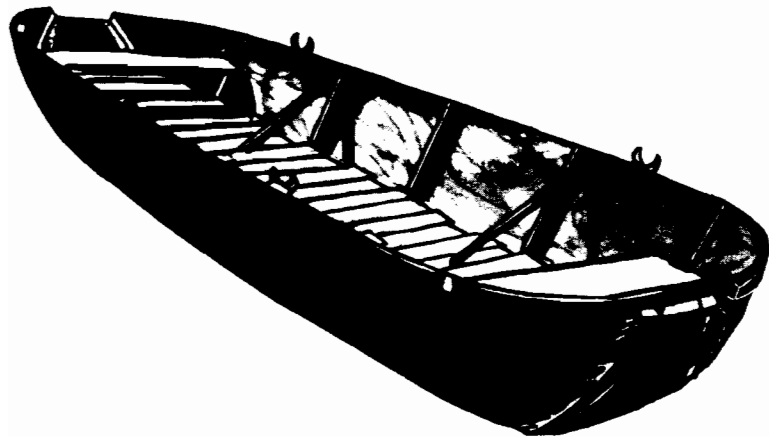
1. A case made of reddish plastic. On the left edge, figures from 0 to 50 mm are carved. There is a U-shaped sighting slot and an arrow for directional sightings.

2. A circular dial divided into 6,000 mils (60 intervals of 100 mm each). This is a characteristic which distinguishes the Russian/ChiCom compass from the US compass. (The US compass is broken down into 6,400 mils.) Four capital letters used to designate the four points consist of Russian vowels.

3. A compass cover constructed of aluminum and painted black. Inside the cover is attached a round and smooth-plated piece of metal, which shines like a mirror to reflect all the figures and markings on the compass dial to facilitate reading.

CHARACTERISTICS

Color	Reddish black
Weight	76.05 g (3 ounces)
Degrees carved on the dial	6,000 mils



XUỐNG NHỎ LOẠI XẾP ĐƯỢC KIỂU MSL CỦA NGA-SO.

Xuống loại xếp kiểu LSM được sử dụng có hiệu quả trong suốt thời kỳ Đệ II Thế Chiến. Công dụng xuống này cũng giống như loại xuống oaq-su bơm hơi kiểu LMN. Xuống này được oaq đơn-vị tham-thính sử dụng để vượt qua oaq vùng nước sâu và để hoàn thành mọi công-tác dưới nước. Xuống này có một người chèo mà với 2 mái chèo người đó có thể đạt tới tốc độ 4,827 gán 5,621 km/giờ. Xuống MSL được chế-tạo bằng loại gỗ xếp và kim-khí. Xuống MSL có đồ phụ-tùng đủ cho 2 người khuôn vao và do 2 người sắp xếp trong 2 phút thì xuống có thể sẵn-sang sử-dụng được.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

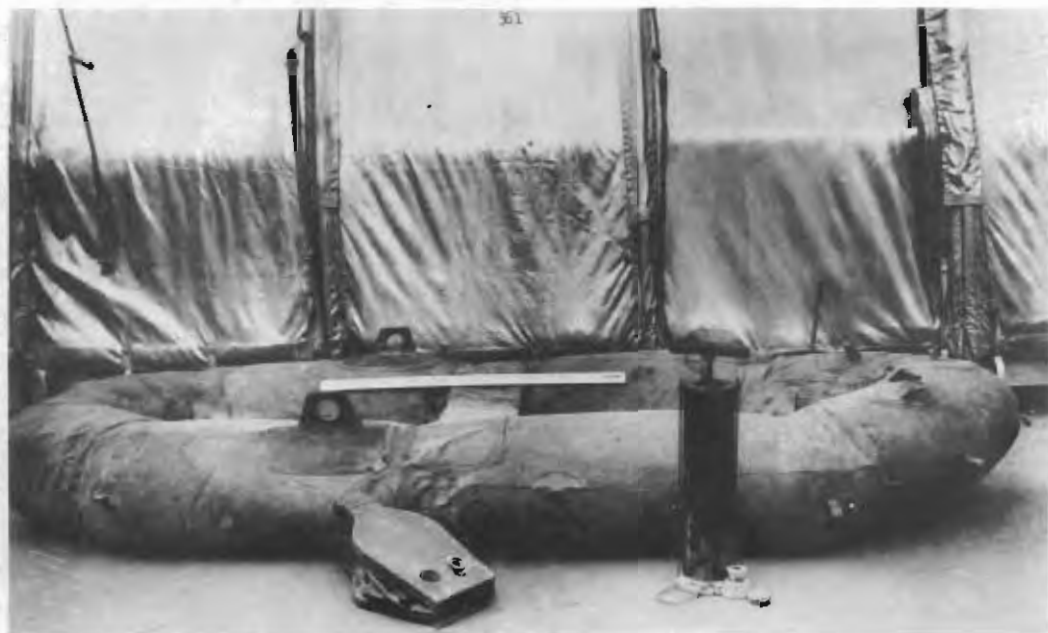
Chiều dài	3,20 thước
Chiều ngang	1,25 thước
Chiều sâu	0,40 thước
Trọng lượng	64,350 Kg
Trọng tải	459 Kg
Sức chèo	396 Kg hay 4 người gồm oai người chèo.

SOVIET SMALL, FOLDING BOAT, MSL

The small, folding boat, MSL, was used successfully during World War II. It is similar in function to the small, pneumatic boat, LMN. It is carried by reconnaissance units for crossing water obstacles, and it is used for miscellaneous tasks in the water. The boat has one oarsman who, with two oars, can attain a speed of 3 to 3.5 miles per hour. The MSL is constructed of bakelite plywood and is reinforced with metal. The MSL has a carrying detail of two men. It can be made ready for use and can be launched by two men in two minutes.

CHARACTERISTICS

Length	3.20 m
Beam	1.25 m
Depth	0.40 m
Weight	143 pounds
Displacement	1,020 pounds
Capacity	880 pounds or 4 men, including the crew



XUỒNG CAO-SU BƠM HƠI KIỂU LMN. CỦA NGA-SO.

Xuồng cao-su bơm hơi kiểu LMN được sử dụng có hiệu quả trong suốt thời kỳ Đệ II Thế - Chiến. Xuồng này được các đơn vị tham chiến Nga-Sô sử dụng để vượt qua các vùng nước sâu, hầu hoàn thành mọi công-tác ở dưới nước. Xuồng được thổi phồng bằng một loại ống bơm hơi cơ-hành bằng chân; khi sử dụng chỉ cần có hai người sửa soạn trong 5 phút. Xuồng này được chế-tạo bằng vải những cao-su nặng 27 Kg/ 900 và có phụ-tung phải có 2 người chèo. Xuồng LMN có thể so-sánh với xuồng tham chiến bằng cao-su bơm hơi trong tải 6 người của Hoa-Kỳ.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Chiều dài	3,20 thước
Chiều ngang	1,25 thước
Chiều sâu	0,40 thước
Trọng tải tối đa	0,8 tấn
Sức chèo	0,75 tấn
Cách đẩy	Bằng 2 mái chèo
Vận tốc	30,48 đến 35,052 thước/ phút.

SOVIET SMALL, PNEUMATIC BOAT, LMN

The small, pneumatic boat, LMN, was used successfully during World War II. It is carried by reconnaissance units for crossing water obstacles, and it is used to perform miscellaneous tasks in the water. It is inflated by means of a foot-operated, bellows-type air pump. It can be made ready for use and can be launched by two men in five minutes. This boat is constructed of a rubber-impregnated fabric, weighs 62 pounds, and requires a carrying detail of two men. The LMN is comparable to the US six-man, pneumatic, reconnaissance boat.

CHARACTERISTICS

Length	3.20 m
Beam	1.25 m
Depth	0.40 m
Maximum displacement	0.80 ton
Capacity	0.75 ton
Propulsion	2 oars
Speed	100 to 115 feet/ minute

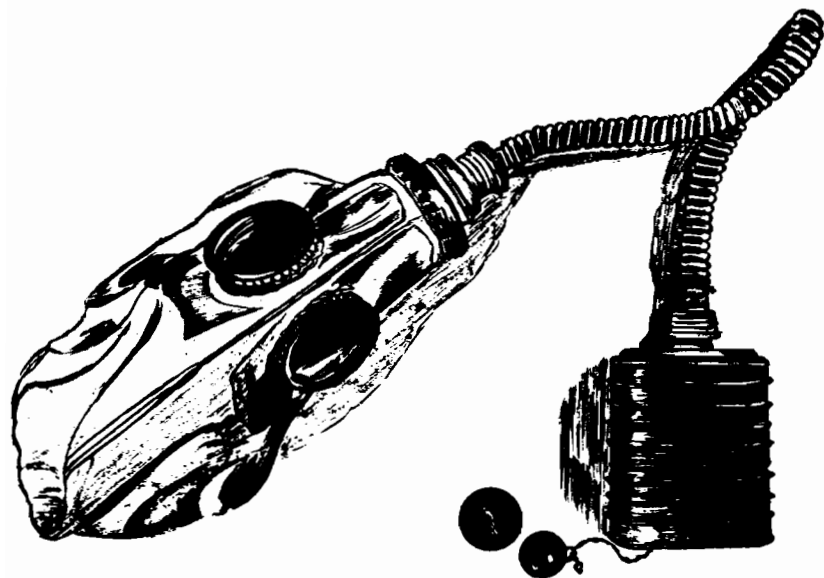


MẶT NẠ CỦA VIỆT-CỘNG

Loại mặt nạ này có lẽ do Việt-Cộng chế-tạo tại Miền Nam Việt-Nam. Mặt nạ được chế tạo bởi nhiều vật liệu khác nhau. Mặt nạ mẫu theo hình vẽ trang bên được làm bằng loại vải nhựa mỏng trong suốt hoặc loại vải bố. Miếng vải bọc dùng cho loại mặt nạ này thay đổi không nhất định nhưng thường làm bằng loại vải bằng sáu lần gấp và có bông gòn xếp xen kẽ trong chứa một ít bột than hoặc một loại bột khác.

VIET CONG IMPROVISED PROTECTIVE MASK

This improvised protective mask has probably been produced by the Viet Cong in South Vietnam. It is made in several versions from various materials. Examples of these masks have been fabricated from thin polyethylene plastic or from a burlap material. The filter pads used in these masks vary, but are normally a six ply sandwich of gauze and cotton batting with a small quantity of charcoal or other granular material dispersed between the inner gauze layers.



MẶT MÀ KIỂU SHM-1 CỦA NGÀ SÔ

Mặt nạ SHM-1 được coi là mặt nạ tiêu chuẩn trong Quân-Lục Nga-Sô và đã được đem sử dụng tại nhiều nước khác thuộc Khối Công. Đầu và thân mặt nạ được đúc thành một khối và làm bằng cao-su màu xám trắng. Phía trước mặt nạ có hai mắt kính tròn được bọc chung quanh bằng những vòng bằng đồng thau và có một lỗ bằng đồng dùng để nối ống dẫn khí. Ống dẫn khí có những vòng gãm có màu và thường được bọc bằng một loại vải đặc biệt màu xanh hoặc xám. Trong một vài trường hợp, ống dẫn hơi được làm bằng cao-su đen không có vải bọc ngoài.

Bình lọc của mặt nạ này có nhiều kiểu nhưng bình lọc theo hình vẽ trang bên là một loại đã được Việt-Cộng sử dụng tại Miền Nam. Bình lọc được làm theo hệ-thống thép gai xếp ở bên trong. Loại mặt nạ này khác các kiểu mặt nạ khác ở chỗ không làm theo kiểu thông thường; đầu mặt nạ được đúc bằng cao-su liền với thân mặt nạ.

SOVIET PROTECTIVE MASK MODEL SHM-1

The SHM-1 is standard in the Soviet Army and has also been widely used in other Communist bloc countries. The headpiece and facepiece of the SHM-1 mask are combined and are moulded of light gray rubber. The facepiece has two circular, glass eye-pieces with brass rims and a brass connector for the hose tube. The hose tube is corrugated and is normally covered with green or gray stockinette. In some cases the hose is made of black rubber without any covering.

The canisters used with this protective mask vary, but the one on the opposite page is known to be used by the Viet Cong. It is of the concertina-type inner construction. This mask differs from most in that it does not have a conventional head harness. The SHM-1 is held in place by the rubber hood, which is actually a continuation of the facepiece.



MẶT NẠ BẢO-VIỆT VỚI HÌNH LỌC NHỎ.

Đây là loại mặt nạ do Bảo-Việt chế-tạo. Nếu dùng bình lọc này với mặt nạ Nga-Sô kiểu SHM-1 thì có thể chịu được 2 chất CS và CN ở ngoài chiến trường. Vì bình lọc này quá nhỏ cho nên không chịu được lâu dài. Hiệu-quả của nó đối với các chất độc khác ngoài 2 chất CS và CN, chưa được thí nghiệm. Sau khi sử-dụng rồi, bình lọc có thể mở ra để " xả khí " và sử-dụng lại được nữa.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

Chiều cao	76 ly
Đường kính	68 ly
Trọng lượng	165 Grs
Hình dạng, màu sắc	Bình lọc bằng kim- khí sơn màu xanh ô- liu.

VIET CONG PROTECTIVE MASK WITH SMALL CANISTER

This canister with SHM-1 mask is capable of offering protection against CS/CN agents in field concentrations. Its small size will not allow exposure for prolonged periods of time. The canister's effectiveness against agents other than CS/CN is not known. After exposure the canister may be aired out for further use.

CHARACTERISTICS

Height	3 inches
Diameter	2.75 inches
Weight	5.8 ounces
Appearance	Olive drab, sheet metal canister



HỘP THUỐC GIẢI-ĐỘC CÁ-NHÂN IPP-3 CỦA NGA-SO.

Hộp thuốc gồm 2 chai bằng plastic chứa thuốc giải độc gói trong vải mỏng. Mỗi chai chứa thuốc nước và bột giải độc được ngăn bằng một ống thủy-tinh mỏng. Khi xù-dùng, sẽ bẹp cái ngăn chứa bột để hòa lẫn 2 thứ rồi xịt lên trên chỗ bị nhiễm độc. Trong hộp còn có chứa 4 ống thủy-tinh chứa chất thuốc ngủ, để trừ hậu quả của khói cay. Thuốc có hiệu-quả đối với các loại hóa chất làm phỏng da và dính trên quần áo, nhưng không có hiệu-quả đối với những chất độc có tác-dụng kích-thích làm tê liệt thần-kinh.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

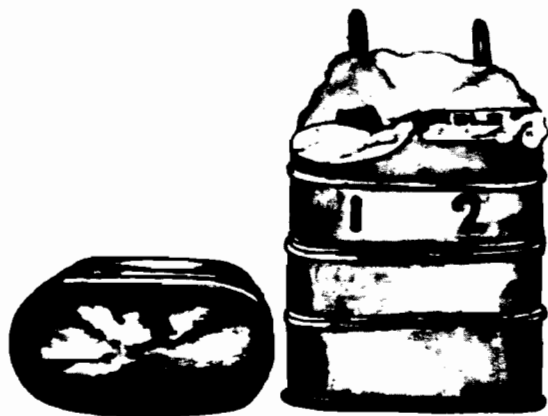
Thuốc nước cân nặng 39 Grs 7
 Bột giải độc cân nặng 6 Grs
 Thuốc ngủ cân nặng 0 Gr 85.

SOVIET INDIVIDUAL DECONTAMINATION PACKET, IPP-3.

This kit contains two plastic vials of decontaminant wrapped in muslin. Each vial contains a solvent and decontaminating powder sealed separately within a thin glass chamber. To use, the contents are first mixed by crushing the glass within the plastic vial and then the solution is squeezed out thru the perforated lid onto the contaminated area. Also included in the kit are four sealed glass vials of inhalant used to counteract the effects of irritant smokes. This kit is effective in neutralizing liquid vesicants on the skin or clothing, but ineffective against nerve agents.

CHARACTERISTICS

Solvent	1.4 ounces
Decontaminating powder (Chloramine-B)	0.21 ounces
Inhalant (chloroform, alcohol, or ammonia)	0.03 ounces



HỘP THUỐC GIẢI-ĐỘC NGA-SO.

Dùng để giải-độc vũ-khí cá-nhân và ống đồng sơn có : 5 cái khăn bằng giấy và 2 ống thuốc nước. Một ống dầu sơn đỏ và một ống dầu sơn đen. Khăn giấy dùng để lau chùi chất độc dính trên vũ-khí.

Dùng thuốc ở trong chai có dầu sơn đen xoa vào những nơi bị nhiễm độc trước rồi kể đến, dùng thuốc ở chai có dầu sơn đỏ. Lau khô vũ-khí và lau dầu.

ĐẶC-TÍNH KỸ-THUẬT.

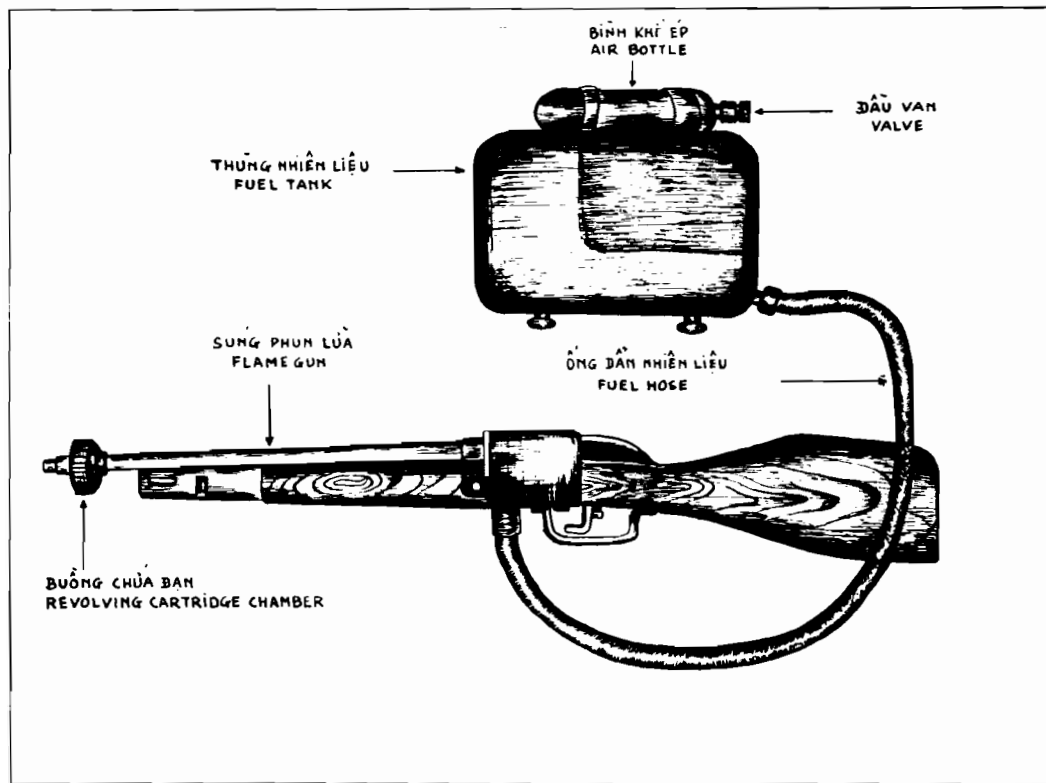
Chiều cao	127 ly
Chiều ngang	77 ly
Chiều dày	38 ly
Lượng thuốc	82 phân khối
Hộp chứa	Bằng kim khí màu xanh.

SOVIET DECONTAMINATION KIT

This kit can be used for decontaminating individual and crew-served weapons. Five paper towels and two sealed glass ampules (one red-topped and one black-topped) are contained in the kit. The agent is partially removed from the weapon with a paper towel. Contents from the black-topped bottle are applied to contaminated areas, then the contents from the red-topped bottle are applied. The weapon is dried and oiled.

CHARACTERISTICS

Length	5 inches
Width	3 inches
Thickness	1.5 inches
Quantity of decontaminants	82 cc
Appearance	Green metal container



SÚNG PHUN LỬA ĐEO VAI KIỂU ROKS-3 CỦA NGÀ SÔ

Súng phun lửa đeo vai kiểu ROKS-3 gồm có một súng phun lửa cầm tay, bình nhiên liệu và một bình đựng nhiên liệu thường có dây đeo ở sau lưng xạ thủ. Súng có hình dáng của một khẩu súng trường và có một ổ quay chứa 6 hoặc 7 viên đạn mỗi ổ có thể phun lửa 6, 7 lần. Khi bóp cò súng phun lửa thì đồng thời một tia nhiên liệu phụt tới một trong những viên đạn mỗi ổ để bắn lửa đi.

ĐẶC TÍNH

Chiều dài súng	1097 ly
Bình nhiên liệu	
Cao	518 ly
Đường kính	228 ly
Trọng lượng súng	
Với bình nhiên liệu đầy	23,3 kg
Với bình rỗng	14,5 kg
Viên xạ tối đa	
Với nhiên liệu đặc	35 thước
Với nhiên liệu lỏng	15 thước
Thời gian cháy	5 đến 6 giây

SOVIET PORTABLE FLAME THROWER: MODEL ROKS-3

The portable flame thrower ROKS-3 consists of a flame gun, which is carried and fired similar to a rifle, and a fuel tank assembly, which is normally carried strapped to the user's back. The flame gun is similar to a rifle in appearance and has a cylinder containing six or seven ignition cartridges. These cartridges allow for the firing of six or seven separate bursts of flame. When the trigger of the flame gun is pulled, a stream of fuel mixture is released; and at the same time one of the ignition cartridges is fired.

CHARACTERISTICS

Gun length	1,097 mm (43.2 inches)
Fuel tank:	
Height	518 mm (20.4 inches)
Diameter	228 mm (9 inches)
Weight:	
With full tank	23.3 kg (51.6 pounds)
With empty tank	14.5 kg (32 pounds)
Maximum range:	
With thickened fuel	35 m (38 yards)
With unthickened fuel	15 m (16 yards)
Duration of burst	5 to 6 seconds

